

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/KDTM-PT.

Ngày: 09 - 5 - 2025.

Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Trung

Ông Trần Phương Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Phi Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2024/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 19/2025/QĐPT-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa kinh doanh thương mại phúc thẩm số: 58/TB-KDTMPT ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á (A).

Địa chỉ: D N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh H – Chức danh: Giám đốc quản lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: Lầu H, Toà nhà Ngân hàng A, D - 446 C, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền lại (theo cơ chế quy định của Ngân hàng): Ông Nguyễn Hoàng Vũ T – Nhân viên xử lý nợ.

Địa chỉ liên lạc: Số B H, khu phố A, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Vũ Đức L, sinh năm 1966.

Bà Đào Thị H1, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông L - bà H1 (Hợp đồng uỷ quyền ngày 04/12/2023): Ông Hồ Minh G, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn F, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ liên hệ: Số D N, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Vũ Đức T1, sinh năm 1988.

2/ Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1988.

3/ Cháu Vũ Minh K, sinh năm 2014.

4/ Cháu Vũ Thùy L1, sinh năm 2021.

Đại diện theo pháp luật của cháu K, cháu L1 là anh T1 và chị N.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Á do ông Nguyễn Hoàng Vũ T đại diện trình bày:

Căn cứ theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LTA.CN.2365.200122 ngày 20/01/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) cấp tín dụng cho ông Vũ Đức L, bà Đào Thị H1 Hợp đồng tín dụng số LTA.CN.2366.200122 ngày 20/01/2022 với nội dung: Ngân hàng cho ông L - bà H1 vay số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng; Mục đích cho vay: Sản xuất kinh doanh - Bổ sung vốn lưu động - Bổ sung vốn lưu động để kinh doanh bia, nước ngọt các loại; Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng; Phương thức giải ngân: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng: 24 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; Thời hạn cho vay: Được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ; Lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Cụ thể:

+ Tại Khế ước nhận nợ số 385230879 ký ngày 14/01/2023, Ngân hàng A đã giải ngân số tiền 500.000.000 đồng chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 4491067 của ông Vũ Đức L tại Ngân hàng A. Thời hạn cho vay: 06 tháng (từ ngày 15/01/2023 đến ngày 14/7/2023). Trong đó, lãi suất trong hạn: 13%/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS + 3,00%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

+ Tại Khế ước nhận nợ số 385385769 ký ngày 16/01/2023, Ngân hàng A đã giải ngân số tiền 500.000.000 đồng chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 4491067 của ông Vũ Đức L tại Ngân hàng A. Thời hạn cho vay: 06 tháng (từ ngày 17/01/2023 đến ngày 16/7/2023). Trong đó, Lãi suất trong hạn: 13%/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất

(%/năm) = LSCS + 3,00%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, ông L - bà H1 đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản đảm bảo sau:

+ Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 670, tờ bản đồ số 29 xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai do ông L - bà H1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV418101 cấp ngày 15/7/2020. Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 6420; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N cùng ngày 27/8/2020.

+ Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 21 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai do ông L - bà H1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 152861 cấp ngày 27/10/2020. Hợp đồng thế chấp tài sản số LTA.BĐCN.118.031120 được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 8498/2020, quyền số 15/2020; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ngày cùng ngày 04/11/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng A. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì ngày 25/5/2023, Ngân hàng A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của Khế ước nhận nợ nêu trên.

Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên:

+ Buộc ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 trả ngay cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 12/9/2024 là 1.236.815.068 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm mười lăm ngàn, không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó vốn gốc 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, lãi quá hạn 236.815.068 (hai trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm mười lăm ngàn, không trăm sáu mươi tám) đồng.

+ Buộc ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, kể từ ngày 13/9/2024 đến ngày trả hết nợ.

+ Đối với Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 670, tờ bản đồ số 29 xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 21 xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai là tài sản thế chấp được bảo đảm thi hành án.

- Bị đơn ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 do người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Minh G trình bày:

Ngày 10/9/2020, ông L - bà H1 đã ký hợp đồng góp vốn kinh doanh số 01/2020/HDGVKD với ông Bùi Hoài N1 để nhận chuyển nhượng Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 21 xã L, huyện L nhằm mục đích đầu tư làm mặt bằng kinh doanh kho bãi, hiện ông L - bà H1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 152861 cấp ngày 27/10/2020.

Ông L - bà H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên cho Ngân hàng A để vay tiền. Tuy nhiên, sau đó do dịch C - 19 làm ảnh hưởng nghiêm trọng, nguồn thu của bị đơn bị sụt giảm dẫn tới việc thanh toán cho Ngân hàng G1.

Ông L - bà H1 đề nghị Ngân hàng cho thời gian 03 tháng (tính từ ngày 23/5/2024) để trả dứt điểm số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số LTA.CN.2366.200122 ngày 20/01/2022 và xin được nhận lại bản chính giấy chứng nhận QSD đất thửa 670, tờ bản đồ số 29 xã P, huyện N.

Liên quan đến QSD đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 21 xã L, huyện L, ông L - bà H1 đề nghị Tòa án đưa ông Bùi Hoài N1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Đức T2 trình bày:*

Thửa đất số 670, tờ bản đồ số 29 xã P, huyện N anh được cha mẹ là ông L - bà H1 cho xây nhà để ở nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Thời điểm ông L - bà H1 thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để vay tiền của Ngân hàng A thì vợ chồng anh không được biết.

Mặt khác, trong quá trình vợ chồng anh xây dựng nhà cửa trên đất thì Ngân hàng A không phản đối hay có bất kỳ thông báo gì.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là QSD đất số 670, tờ bản đồ số 29 xã P, anh không đồng ý. Anh không có đơn yêu cầu độc lập, cũng không có yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim N, cháu Vũ Minh K, cháu Vũ Thùy L1 không đến Tòa án tham gia tố tụng và không cung cấp chứng cứ để giải quyết vụ án.*

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2024/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 317, 318, 319, 325, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á đối với bị đơn ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử buộc ông Vũ Đức L và bà Đào Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.236.815.068 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó vốn gốc 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, lãi quá hạn 236.815.068 (Hai trăm ba mươi sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông L - bà H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà

các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 không trả số nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á được quyền yêu cầu yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp tài sản số LTA.BĐCN.118.031120 được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 8498/2020, quyền số 15/2020; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ngày cùng ngày 04/11/2020 và Hợp đồng thế chấp tài sản số LTA.BĐCN.59.260820 được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 6420/2020; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N cùng ngày 27/8/2020.

2. Về án phí: Ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 43.104.452 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm linh bốn nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0002197 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án theo Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo luật định.

Kháng cáo:

Ngày 07/10/2024, ông Hồ Minh G là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm, xác định yêu cầu kháng cáo là đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tính hợp pháp của phiên họp hoà giải và kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; xem xét các văn bản tố tụng không được tổng đạt đầy đủ cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên anh T1, chị N không biết việc Tòa án tổ chức phiên toà sơ thẩm để tham gia trình bày ý kiến, bảo vệ quyền lợi của mình; xem xét mức lãi suất mà nguyên đơn áp dụng với bị đơn mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc. Tóm lại, đề nghị huỷ toàn bộ bản sơ thẩm.

Phản phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện việc thụ lý, phân công Thẩm phán làm chủ tọa giải quyết vụ án, đảm bảo quyền kháng cáo. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Hội đồng

xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; đồng thời, thủ tục phiên tòa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Nội dung phát biểu của Kiểm sát viên được thể hiện trong bài ý kiến phát biểu đã được công khai tại phiên tòa. Tóm lại, nội dung lập luận cho rằng yêu cầu kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận theo quy định của pháp luật, bản án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Kháng cáo của ông Hồ Minh G là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, theo quy định của tố tụng Toà án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á khởi kiện yêu cầu ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á toàn bộ số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là: 1.236.068 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 236.815,068 đồng vì ông L - bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng.

Bị đơn ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 thừa nhận vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đối với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, nhưng xin thời hạn 03 tháng (tính từ ngày 23/5/2024) sẽ thanh toán dứt điểm số tiền nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số LTA.CN.2366.200122 ngày 20/01/2022.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:

[4.1] Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét tính hợp pháp của phiên họp hoà giải và kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; xem xét các văn bản tố tụng không được tổng đạt đầy đủ cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Toà án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hoà giải. Thông báo đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án, việc tham gia hay không tham gia phiên họp là quyền, nghĩa vụ của đương sự. Sau phiên họp, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự.

Đối với việc triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Đức T1, chị Nguyễn Thị Kim N tham gia phiên tòa sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc cấp tổng đạt hợp lệ, việc các đương sự này vắng mặt tại phiên tòa thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Đối với kháng cáo đề nghị xem xét mức lãi suất mà nguyên đơn áp dụng với bị đơn mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc.

Xét Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á và ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, do vậy các bên trong hợp đồng phải có trách nhiệm thực hiện và phải chịu các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này, trong đó bao gồm việc bên vay phải có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc, tiền nợ lãi cho bên cho vay theo đúng hợp đồng. Trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền nợ gốc, nợ lãi mà bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 12/9/2024 là 1.236.815.068 đồng, phù hợp với các điều khoản các bên đã giao kết trong Hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn ông L - bà H1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 236.815.068 đồng là có căn cứ.

Ngoài nội dung trình bày theo yêu cầu kháng cáo, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh về việc Ngân hàng T3 lãi suất không đúng với các điều khoản mà các bên đã tự nguyện giao kết trong hợp đồng.

Từ những, phân tích và dẫn chứng nêu trên cho thấy: Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn về việc đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Minh G là đại diện theo uỷ quyền bị đơn ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 325, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ.CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á đối với bị đơn ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử buộc ông Vũ Đức L và bà Đào Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á tổng số tiền nợ gốc và lãi là 1.236.815.068 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng), trong đó vốn gốc 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, lãi quá hạn là 236.815.068 (Hai trăm ba mươi sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông L - bà H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 không trả số nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Á, Ngân hàng Thương mại cổ phần Á được quyền yêu cầu yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp tài sản số LTA.BĐCN.118.031120 được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 8498/2020, quyển số 15/2020; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L ngày cùng ngày 04/11/2020 và Hợp đồng thế chấp tài sản số LTA.BĐCN.59.260820 được công chứng tại Phòng C1, tỉnh Đồng Nai, số công chứng 6420/2020; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N cùng ngày 27/8/2020.

2. Về án phí:

Ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 43.104.452 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm linh bốn nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Ông Vũ Đức L - bà Đào Thị H1 phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ông Hồ Minh G đại diện theo uỷ quyền của ông L - bà H1 đã nộp (Theo biên lai thu tạm

ứng án phí số 0022034 ngày 16/10/2024 và số 0022537 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch) được tính trừ vào án phí phúc thẩm ông L - bà H1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.000.000 đồng (Theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002197 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa chuyên trách, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thế P1